

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Duy
2. Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 739/2022/TB-TLVA ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Bảo Tuyết B, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp BT, xã Tr, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Quan Nh, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp Bờ Xe, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị B có mặt, anh Nh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 16 tháng 8 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Bảo Tuyết B trình bày:

Chị và anh Lê Quan Nh cưới nhau và chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP huyện CT tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung

sống có 02 con chung tên Lê Lâm Thành Đ sinh ngày 20/9/2013 và Lê Lâm Thu Ng sinh ngày 18/02/2015, không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Nh ham chơi, không lo làm ăn, thường xuyên qua đêm, sống thiếu trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 6/2020, anh Nh bỏ đi cho đến nay không về nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh Nh. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại Đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

* Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2022, bị đơn anh Lê Quan Nh trình bày: Anh và chị Lâm Bảo Tuyết B là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Cuối năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân gần 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị B. Về con chung, anh chị có 02 con chung tên Lê Lâm Thành Đ sinh ngày 20/9/2013 và Lê Lâm Thu Ng sinh ngày 18/02/2015, hiện các con đang sống chung với chị B. Nay, anh đồng ý giao các con cho chị B nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Quan Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Lâm Bảo Tuyết B và anh Lê Quan Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TP huyện CT tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/10/2015. Như vậy, chị B và anh Nh có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Bảo Tuyết B và anh Lê Quan Nh là hợp pháp.

[3.1.2] Chị B yêu cầu ly hôn với anh Nh vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 01/2020 nguyên nhân do anh Nh không chăm lo cho gia đình, chị và anh Nh đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Anh Nh đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, giữa chị B và anh Nh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3.2] Về con chung: Chị Lâm Bảo Tuyết B và anh Lê Quan Nh chung sống có 02 con chung tên Lê Lâm Thành Đ sinh ngày 20/9/2013 và Lê Lâm Thu Ng sinh ngày 18/02/2015. Hiện các cháu đang được chị B nuôi dưỡng. Chị B và anh Nh thống nhất giao cháu Đ và cháu Ng cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian chị B và anh Nh sống ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho các con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu Đ và cháu Ng và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Ng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Nh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh Nh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lâm Bảo Tuyết B phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Bảo Tuyết B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Bảo Tuyết B được ly hôn với anh Lê Quan Nh.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Lâm Thành Đ sinh ngày 20/9/2013 và Lê Lâm Thu Ng sinh ngày 18/02/2015 cho chị Lâm Bảo Tuyết B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Quan Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Quan Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lâm Bảo Tuyết B phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lâm Bảo Tuyết B đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021051 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h. CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc

